

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 40/2024/HSST
Ngày: 20-3-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Ân – Giáo viên hưu trí.

Bà Nguyễn Trần Phương Hà – CB Đoàn thanh niên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Lê Như Ý**, tên gọi khác: không. Sinh ngày 08/02/2006 tại Đồng Nai.

Giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: **Tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.**

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

Họ và tên cha: **Nguyễn Văn Phi H**, sinh năm 1976.

Họ và tên mẹ: **Lê Thị H1**, sinh năm 1974.

Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 và chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 21/4/2022 đến ngày 30/4/2022 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/11/2023 đến nay tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Đ.**

- Người giám hộ cho bị cáo: Ông **Nguyễn Văn Phi H**, sinh năm 1976 và bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: **Tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.**

- Người bào chữa cho bị cáo:

1/ Bà Nguyễn Ngọc H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ.

2/ Luật sư Dương Văn Ô và luật sư Lê Thị Tú O – Văn phòng luật sư Dương Văn Ô, Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Bị hại: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1939.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn Phi H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo, ông H, bà H1, luật sư Ô, luật sư O, bà Đ có mặt; bà H2 có đơn xin vắng mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Lê Như Ý, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2006 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1939, thường trú tại tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ gia đình. Từ năm 2013, Ý đến sống cùng bà Đ để giúp việc. Đến khoảng cuối tháng 02 năm 2022, Ý chuyển đến sinh sống cùng với Nguyễn Lê Anh T1, sinh năm 2004 (chị gái của Ý) tại khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn thường xuyên đến để tính tiền phòng trọ cho bà Đ. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Đ nên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 3 năm 2022 đến ngày 18 tháng 4 năm 2022, Ý đã 10 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Đ, cụ thể như sau:

- Vào khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 3 năm 2022, sau khi đến nhà bà Đ để ghi số điện, nước của phòng trọ cho bà Đ thì Ý nhìn thấy chùm chìa khoá (trong đó có chìa khoá của két sắt) để trên đầu âm ly tại phòng khách nên Ý đã lấy chùm chìa khoá đi vào phòng ngủ mở két sắt thấy trong két sắt có 01 túi vải màu đen bên trong có khoảng 08 cọc tiền Đô La M (USD) loại có mệnh giá 100USD, Ý đã cầm 01 cọc rút ra 20 tờ tiền mỗi tờ có mệnh giá 100USD bỏ vào túi quần, khoá két sắt lại và để chìa khoá lại vị trí cũ rồi tiếp tục tính tiền phòng trọ cho bà Đ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Ý về phòng trọ tại khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Lúc này, anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2002 (là bạn trai của Ý), thường trú tại khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai đến chơi thấy Ý có nhiều tờ tiền Đô la Mỹ nên hỏi Ý thì Ý nói “Tiền bán S trên S”, nên anh T đã dùng điện thoại Iphone 12 của mình chụp ảnh số tiền Đô la Mỹ trên. Sau đó, anh T được Ý cho 01 tờ tiền mệnh giá 100 USD để làm kỷ niệm. Đến khoảng 07 giờ 50 phút ngày 02 tháng 3 năm 2022, Ý đến tiệm V thuộc khu phố E, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai đổi số USD trên sang Việt Nam đồng.

- Trong khoảng thời gian từ ngày 12 tháng 3 năm 2022 đến ngày 18 tháng 3 năm 2022, cũng với hành vi tương tự, Ý đã dùng chìa khoá mở két sắt 02 lần, lấy

trộm tổng cộng 41 tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD (trong đó lần 1 lấy trộm 18 tờ, lần 2 lấy 23 tờ). Sau đó, Ý về phòng trọ và để số tiền Đô la Mỹ trên mặt bàn. Lúc này, anh T nhìn thấy tiền Đô la M nên đã dùng điện thoại Iphone 12 chụp ảnh số tiền trên.

- Khoảng thời gian từ cuối tháng 3 năm 2022 (không rõ ngày) đến ngày 17 tháng 4 năm 2022, cũng với hành vi như trên, Ý đã dùng chìa khoá mở két sắt lấy trộm 06 lần, tổng cộng 166 tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD (trong đó lần thấp nhất lấy trộm 15 tờ, lần nhiều nhất 41 tờ). Sau đó, Ý mang số tiền Đô la Mỹ trên đến các tiệm vàng D tại đường D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai và tiệm V1 tại phường Q, TP B đổi sang tiền Việt Nam đồng để tiêu xài cá nhân.

- Vào khoảng 11 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2022, Ý thấy bà Đ đang nằm trên võng ở phòng khách tay cầm chùm chìa khoá nên Ý nói với bà Đ1 “Cho con mượn chìa khoá để lên thấp nhang”. Bà Đ đã đồng ý đưa chùm chìa khoá cho Ý. Sau đó, Ý dùng chìa khoá mở cửa két sắt lấy trộm 03 tờ Đ Mỹ, mỗi tờ có mệnh giá 100 USD rồi đi về. Sau khi Ý đi về, bà Đ vào phòng ngủ phát hiện chùm chìa khoá bà Đ đưa cho Ý đang cắm ở ổ khoá tủ két sắt. Bà Đ1 mở két sắt kiểm tra phát hiện bị mất số tiền 67.000 USD.

Đến ngày 20 tháng 4 năm 2022, bà Trần Thị Đ đã đến Công an phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai trình báo sự việc trên. Ngày 21 tháng 4 năm 2022, Nguyễn Lê Như Ý đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, bà Đ khai bị mất số tiền 67.000 USD, còn Nguyễn Lê Như Ý chỉ thừa nhận lấy trộm của bà Đ1 10 lần với tổng số tiền 23.000 USD. Cơ quan điều tra đã cho bà Đ1 và Ý đối chất nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị Bạch L là cháu họ của bà Đ1 xác nhận vào lúc 03 giờ sáng ngày 09 tháng 02 năm 2022 (trước thời điểm Nguyễn Lê Như Ý lấy trộm tiền Đô la Mỹ của bà Đ), bà Đ có gọi và nhờ chị L kiểm tra lại số tiền Đô la Mỹ mà bà Đ để trong két sắt thì chỉ có 25.900 USD, gồm 259 tờ tiền có mệnh giá 100 USD nên không có cơ sở xác định Nguyễn Lê Như Ý trộm cắp của bà Đ số tiền 67.000 USD mà có cơ sở xác định bị cáo đã trộm cắp số tiền 23.000 USD của bà Đ như đã nêu trên.

Đối với số tiền 23.000 USD trộm cắp của bà Đ, Ý khai ngoài việc cho anh T 100 USD, số tiền còn lại Ý đổi sang tiền Việt Nam, trả cho ông Nguyễn Văn P H 10.000.000 đồng, mua đồ trang sức, L1, điện thoại di động... và tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 2118/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tổng số tiền 23.000 USD mà Nguyễn Lê Như Ý trộm cắp của bà Trần Thị Đ trị giá tương đương số tiền 531.461.000 đồng tiền Việt Nam.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Lê Như Ý về tội danh: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều

173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Như Ý từ 08 năm đến 10 năm tù. Đề nghị trả cho bà **Trần Thị Đ** một số tài sản tạm giữ do bị cáo dùng tiền trộm cắp để mua. Buộc bị cáo và đại diện hợp pháp nộp lại số tiền 360.834.312 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Quan điểm của bà Nguyễn Ngọc H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ là người bào chữa cho bị cáo: Bà H2 thống nhất về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như cáo trạng viện dẫn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần trách nhiệm dân sự và được bị hại là bà **Trần Thị Đ** làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo có gia đình khó khăn nên từ lúc mới được 7 tuổi bị cáo Ý phải đi đến ở cùng với bà **Trần Thị Đ**; bị cáo không sống cùng cha mẹ từ nhỏ trong thời gian dài, thiếu tình thương và sự quan tâm, giáo dục của cha mẹ nên đã ảnh hưởng phần nào đến sự phát triển về tâm lý cũng như nhận thức về xã hội, nhận thức về pháp luật của bị cáo; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận những tình tiết giảm nhẹ nêu trên, áp dụng Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với mức thấp nhất có thể cho bị cáo Nguyễn Lê Như Ý để bị cáo có cơ hội sớm hoà nhập cộng đồng, cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội.

Quan điểm của Luật sư Dương Văn Ổ và luật sư Lê Thị Tú O – Văn phòng luật sư Dương Văn Ổ, Đoàn luật sư tỉnh Đ bào chữa cho bị cáo: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua thẩm vấn công khai tại phiên toà, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo về tội danh “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, nhưng nên áp dụng khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thì phù hợp hơn vì bị cáo chỉ trộm cắp lần cuối cùng là ngày 18/4/2022, còn các lần trước đó được sự đồng ý của bà **Đ**.

Luật sư thống nhất với quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường một phần trách nhiệm dân sự và công nhận việc bị hại là bà **Trần Thị Đ** làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt để áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Và cho bị cáo hưởng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm: Bị cáo không nhận thức được đầy đủ hành vi phạm tội của mình, nhất là các vấn đề tệ nạn xã hội, hiểu biết pháp luật của bị cáo còn hạn chế. Thông qua luật sư tác động đến bị cáo Ý và gia đình bị cáo đã khắc phục bồi thường, trả lại cho bà **Đ** được số tiền 124.110.000đ, hiện đồ vật do phạm tội mà có gồm máy tính, vòng vàng... trị giá 46.205.988đ cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ, bà **Đ** xin giảm nhẹ hình phạt và xin rút yêu cầu bồi thường về số tiền còn lại là 361.045.012đ. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha của bị cáo bị tật nguyền không đi lại được, mẹ của bị cáo làm mướn nên gia đình không có thu nhập. Bị cáo ở với bà **Đ** từ lúc 8 tuổi cho đến khi phạm tội mới 16 tuổi 21 ngày, tâm sinh lý của một đứa trẻ vị thành niên chưa hoàn thiện

lại không có sự quan tâm giáo dục quản lý của gia đình. Bị cáo sống cùng với bà Đ nhưng sự khác biệt trong suy nghĩ, không chung quan điểm, cộng thêm các con của bà Đ thường xuyên hờn trách xét nét, ghét bỏ bị cáo rất nhiều làm cho bị cáo bị tổn thương tâm lý rất lớn. Vì vậy, bị cáo chỉ học đến lớp 10/12 thì nghỉ học, bỏ ra ngoài sống và bị lây nhiễm thói hư tật xấu. Tại phiên tòa, bà Đ đã rút đơn tố cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự và áp dụng chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại Điều 91, 101 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Ý được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt bằng với thời gian tạm giam là hợp tình, hợp lý, mang tính chất giáo dục răn đe là chủ yếu, tạo điều kiện thuận lợi cần thiết cho bị cáo Ý làm lại cuộc đời, sớm trở về với gia đình. Kính xin Hội đồng xét xử tuyên án trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Lê Như Ý khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/4/2022, tại tổ B, khu phố C, phường H, TP B, tỉnh Đồng Nai, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bà Trần Thị Đ, Nguyễn Lê Như Ý đã lén lút sử dụng chìa khoá mở kết sắt lấy trộm 10 lần được 230 tờ Đô la Mỹ (USD) mệnh giá mỗi tờ là 100 USD, trong đó lần thấp nhất trộm cắp 300 USD, lần nhiều nhất trộm cắp 4.100 USD. Tổng cộng, Nguyễn Lê Như Ý đã trộm cắp của bà Trần Thị Đ 23.000 USD.

Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai, cho rằng 09 lần trộm cắp là không đúng vì những lần này bị cáo đều được bà Đ cho phép lấy tiền, việc lấy tiền bà Đ đều biết. Chỉ có lần cuối cùng ngày 18/4/2022 bị cáo mới lấy trộm tiền 300 USD của bà Đ, bà Đ không biết. Khi bị cáo ra đầu thú, công an hướng dẫn bị cáo khai và sau này họ nói khai lần đầu như thế nào thì cứ khai như vậy, bị cáo muốn thay đổi lời khai nhưng cơ quan điều tra không cho phép.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát công bố cáo trạng, bị hại là bà Trần Thị Đ cũng thay đổi lời khai, cho rằng bà Đ không mất nhiều tiền đến thế và bà cũng có cho tiền bị cáo hàng tháng. Bà Đ không nhớ đã khai những gì tại cơ quan điều tra nhưng xác định những lời khai tại Cơ quan điều tra là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đúng sự thật, có sao nói vậy.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo cùng mẹ là bà **Lê Thị H1** ra đầu thú tại **Phòng C Công an tỉnh Đ** ngày 21/4/2022 và được lập Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú. **Phòng C Công an tỉnh Đ** đã ghi nhận lời khai báo của bị cáo Ý, bị cáo và mẹ là bà **H1** đã ký tên, xác nhận nội dung. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự mình viết nhiều bản tự khai để trình bày quá trình thực hiện hành vi phạm tội, có xác nhận của luật sư **Dương Văn Ô** là người bào chữa cho bị cáo. Quá trình lấy lời khai, hỏi cung, đối chất... cũng có mặt của người giám hộ cho bị cáo hoặc luật sư, trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo nhưng không ai có ý kiến gì và đều ký tên xác nhận nội dung. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ** cũng đã tiến hành thủ tục khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra. Kết quả thực nghiệm điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo trong toàn bộ quá trình điều tra. Hơn nữa, tại biên bản giao nhận Kết luận điều tra ngày 28/12/2023, bị cáo đã trực tiếp nhận, đọc lại và xác nhận thực hiện đúng hành vi trộm cắp 10 lần của bà **Trần Thị Đ** với số tiền 230 tờ Đô la Mỹ. Sau khi nhận Cáo trạng, bị cáo cũng không có ý kiến thắc mắc gì.

Tại phiên toà, bà **Đ** xác định hàng tháng chỉ cho bị cáo tiền tiêu vặt, đóng học phí bằng tiền Việt Nam đồng, không cho bị cáo tiền Đô la Mỹ. Bị cáo Nguyễn Lê Như Ý và bà **Trần Thị Đ** đều xác định quá trình điều tra không bị ép cung, mớm cung, dùng nhục hình.

Như vậy, qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án, việc bị cáo Nguyễn Lê Như Ý và bị hại bà **Trần Thị Đ** thay đổi lời khai là không có cơ sở chấp nhận. Có đủ căn cứ xác định, trong khoảng thời gian từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/4/2022, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của bà **Trần Thị Đ**, Nguyễn Lê Như Ý đã lén lút sử dụng chìa khoá mở kết sắt lấy trộm 10 lần được 230 tờ Đô la Mỹ (USD) mệnh giá mỗi tờ là 100 USD. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 2118/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tiền 23.000 USD mà Nguyễn Lê Như Ý trộm cắp của bà **Trần Thị Đ** trị giá tương đương số tiền 531.461.000 đồng Việt Nam.

Từ đó, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Lê Như Ý đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt hoàn toàn phù hợp với điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố và viện dẫn tại Cáo trạng.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Lê Như Ý gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Lê Như Ý và bà **Trần Thị Đ** có quan hệ họ hàng, bà **Đ** đã nuôi dưỡng Ý từ nhỏ. Bị cáo biết rõ việc xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của bà **Đ** đối với mình, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà **Đ**, bị cáo đã lén lút trộm cắp tiền Đô la Mỹ của bà **Đ** để trong kết sắt. Sau khi trộm cắp được tài sản, Ý đến các tiệm vàng đổi thành tiền Việt Nam để mua sắm, trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Ý gây ra đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản là khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự. Hành vi của bị cáo Ý còn làm giảm lòng tin giữa con người với nhau, làm ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, gây mất tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Theo Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì tổng tài sản bị có trộm cắp của bị hại trị giá 531.461.000 đồng tiền Việt Nam nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Như Ý mức án thật nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính tiết tăng nặng: Trong thời gian từ ngày 01/3/2022 đến ngày 18/4/2022, bị cáo Ý đã 10 lần trộm cắp tài sản của bà **Trần Thị Đ**, trong đó lần thấp nhất trộm cắp 300 USD, lần nhiều nhất trộm cắp 4.100 USD nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần”. Tại phiên toà, bị cáo xác định không có việc làm, không có thu nhập nào khác, chỉ dùng số tiền trộm cắp của bà **Đ** để sinh sống. Với hành vi trộm cắp liên tục 10 lần và dùng số tiền trộm cắp để sinh sống nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “có tính chất chuyên nghiệp”. Tại thời điểm bị cáo chiếm đoạt tài sản, bà **Trần Thị Đ** đã 83 tuổi. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên”. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Lê Như Ý đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Nhưng tại phiên toà, bị cáo đã thay đổi lời khai, phủ nhận các lời khai có tại cơ quan điều tra nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 124.110.000 đồng và được bà **Trần Thị Đ** xin giảm nhẹ hình phạt. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha của bị cáo bị tật nguyền. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đồng thời, cũng cần xem xét khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế.

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Quá trình điều tra, bị cáo Ý khai nhận có bán ngoại tệ cho các chủ **tiệm V1 tại phường Q; bán ngoại tệ cho tiệm V tại khu phố E, phường T; bán ngoại tệ cho tiệm V2 tại phường Q, TP B, tỉnh Đồng Nai**. Tuy nhiên, các chủ tiệm vàng đều không thừa nhận việc đổi Đô la Mỹ thành tiền Việt Nam cho Ý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tỉnh Đồng Nai đã tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng và 01 tờ 100 USD mà Ý đã đưa cho ông **Nguyễn Văn P H** và anh **Nguyễn Đức T**. Ông **H**, anh **T** không biết số tiền trên do Ý

phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình của bị cáo đã nộp số tiền 124.110.000 đồng để bồi thường cho bị hại và Cơ quan điều tra đã trả cho bà Trần Thị Đ. Bà Đ còn đề nghị được nhận tài sản do bị cáo mua từ tiền trộm cắp gồm: vòng vàng, nhẫn, điện thoại, laptop, 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, 01 dây chuyền màu vàng mà theo kết quả định giá tài sản số 2118/STC-HĐĐGTSTTHS ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 44.205.988 đồng và 100 USD do anh Nguyễn Văn T2 giao lại trị giá 2.310.700 đồng. Sau khi trừ số tiền trên, bà Đ tiếp tục đề nghị buộc bị cáo Ý phải bồi thường số tiền còn lại là 360.834.312 đồng.

Tại phiên tòa, bà Đ xin nhận các tài sản do bị cáo dùng tiền trộm cắp của bà Đ để mua và 100 USD trị giá 2.310.700 đồng do anh T2 giao nộp, bị cáo cũng đồng ý. Bà Đ không yêu cầu bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 360.834.312 đồng nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, do số tiền 360.834.312 đồng là tài sản do phạm tội mà có nên cần phải buộc bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về vật chứng:

- Đối với các tài sản thu giữ của bị cáo, bị cáo đồng ý giao lại cho bị hại bà Trần Thị Đ. Vì vậy, trả cho bà Đ 01 máy tính hiệu HP màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 nhẫn kim loại màu vàng; 07 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng, 01 dây chuyền màu vàng, 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 100USD số seri MG 63976353B và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 (đã qua sử dụng).

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc vòng kim loại màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu trắng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu trắng xám; 01 túi xách màu nâu; 01 túi xách màu xám đen trắng; 05 chai nước hoa (vỏ chai); 05 bộ quần áo các loại của Nguyễn Lê Như Ý sử dụng tiền trộm cắp có được để mua, hiện không còn giá trị sử dụng.

[8] Về án phí: Bị cáo Ý phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Như Ý có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Lê Như Ý phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 173; điểm b khoản 1, 2 Điều 51; điểm b, g, i Điều 52; Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Như Ý 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2023, nhưng được trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/4/2022 đến ngày 30/4/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Bà **Trần Thị Đ** là bị hại không yêu cầu bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo bồi thường số tiền do bị trộm cắp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả cho bà **Trần Thị Đ** 01 máy tính hiệu HP màu đen; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 tờ Đô la Mỹ mệnh giá 100USD số seri MG 63976353B và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 (đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Lê Như Ý 01 chiếc vòng kim loại màu trắng; 01 nhẫn kim loại màu trắng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi xách màu trắng xám; 01 túi xách màu nâu; 01 túi xách màu xám đen trắng; 05 chai nước hoa (vỏ chai); 05 bộ quần áo các loại.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 23/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai).

- Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Lê Như Ý và người giám hộ ông **Nguyễn Văn Phi H**, bà **Lê Thị H1** phải nộp lại số tiền 360.834.312 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Lê Như Ý phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, ông **H**, bà **H1**, bà **Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà **H2**, anh **T2** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận::

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam B5 - CA tỉnh ĐN;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo, các đương sự;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung

